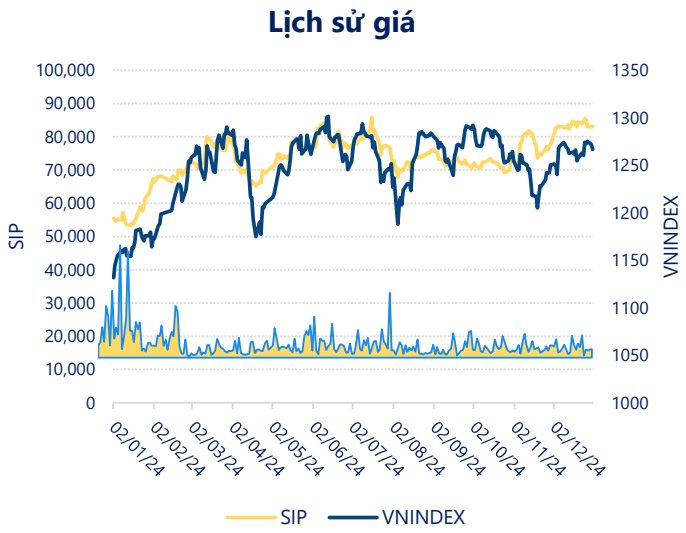
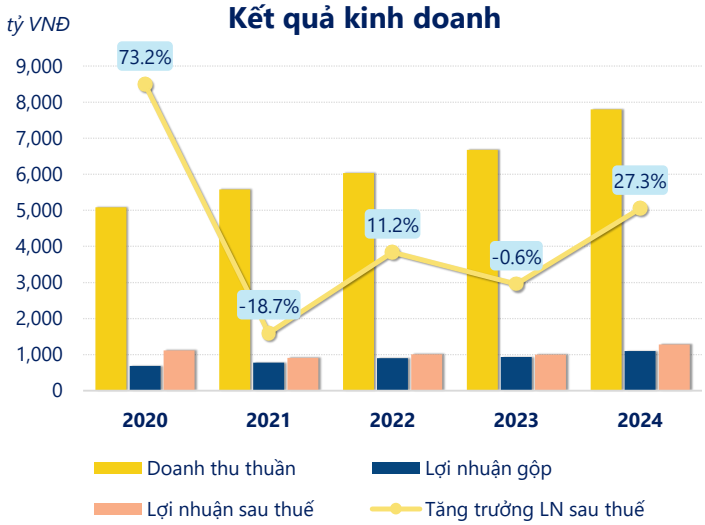
KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	83,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.1%	**17.6%**	**4.1%**

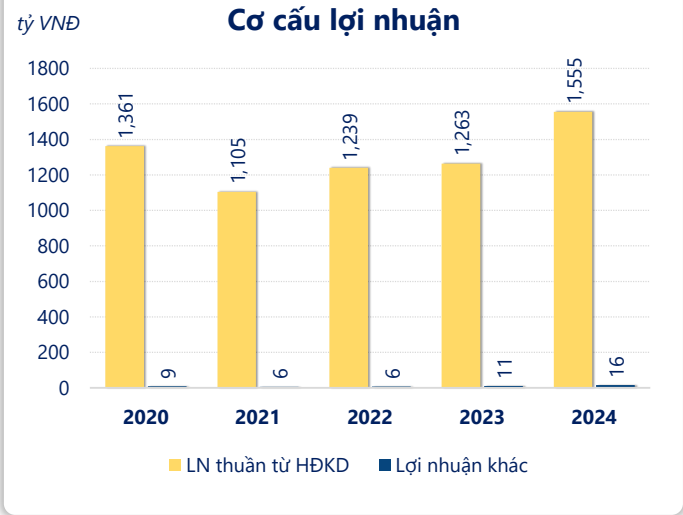
	2024	YoY
DT thuần	**7,800** *tỷ VNĐ*	▲ 1,123 ▲ 16.8%
LN gộp	**1,095** *tỷ VNĐ*	▲ 165 ▲ 17.7%
LN thuần	**1,555** *tỷ VNĐ*	▲ 292 ▲ 23.1%
LN sau thuế	**1,278** *tỷ VNĐ*	▲ 274 ▲ 27.3%
ROE	**26.2%**	+/- YoY ▲ 2.0%
ROA	**5.1%**	+/- YoY ▲ 0.4%

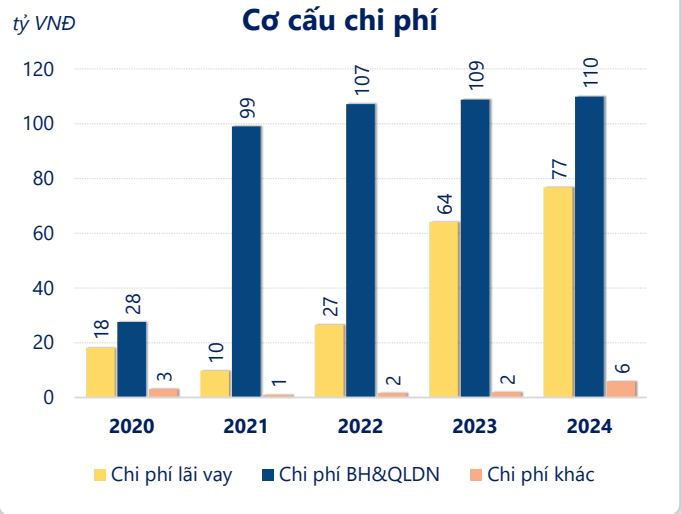




Năm **2024**, **SIP** ghi nhận doanh thu thuần **7,800** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **1,278** tỷ đồng, lần lượt **tăng 16.8%** và **tăng 27.3%** so với năm trước.

Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **26.2%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.

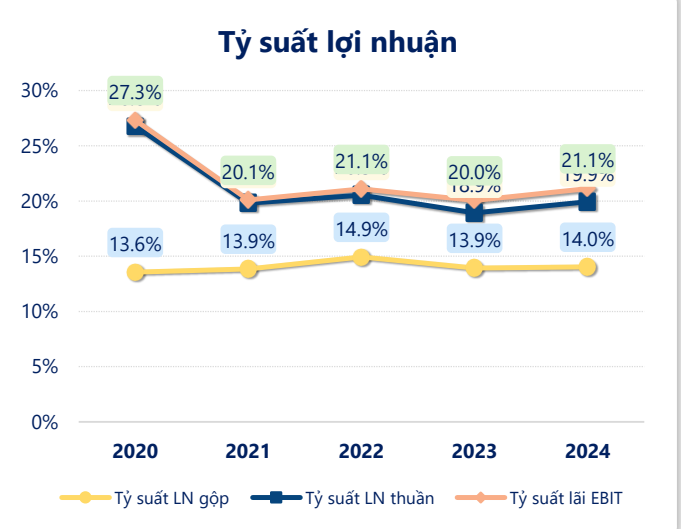


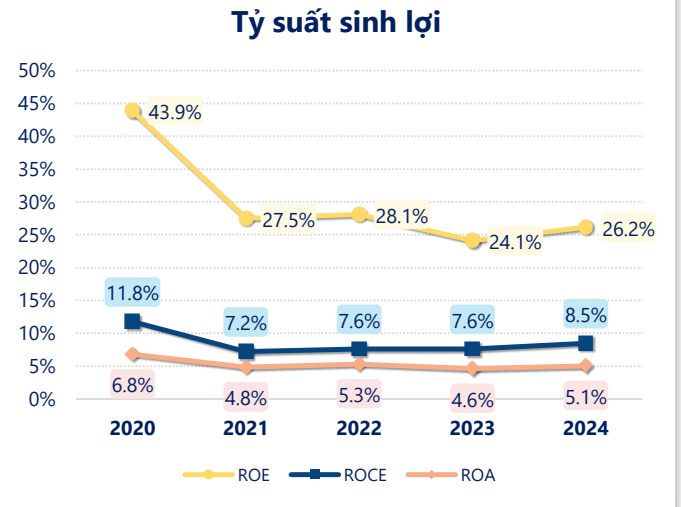


Năm **2024**, **SIP** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **1,555** tỷ đồng, **tăng lên 291.8** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (1,305 tỷ đồng) là 250.4 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

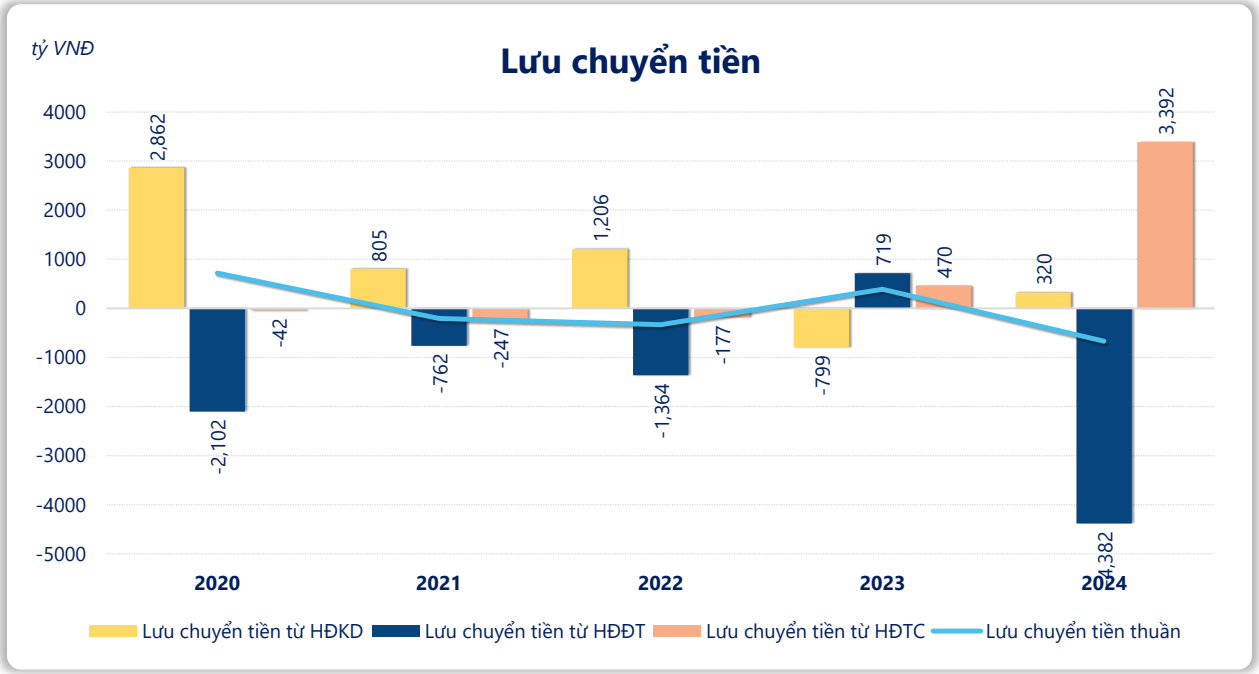
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **76.84** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **109.8** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **5.94** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của SIP năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **26.2%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**5,083**	**5,578**	**6,035**	**6,677**	**7,800**
Giá vốn hàng bán	4,394	4,805	5,133	5,746	6,706
Lợi nhuận gộp	**689**	**773**	**901**	**930**	**1,095**
Doanh thu HĐTC	647	364	390	439	622
Chi phí TC	2.99	17.8	29.6	68.7	116
Chi phí lãi vay	**18.2**	**9.71**	**26.6**	**64.1**	**76.8**
LN trong công ty LKLD	56.0	84.1	84.3	71.0	64.8
Chi phí bán hàng	18.4	11.9	15.2	13.1	21.6
Chi phí QLDN	9.18	87.0	92.0	95.6	88.2
LN thuần từ HĐKD	**1,361**	**1,105**	**1,239**	**1,263**	**1,555**
Lợi nhuận khác	8.76	6.11	6.40	10.9	15.8
LN trước thuế	**1,370**	**1,111**	**1,246**	**1,274**	**1,571**
Lợi nhuận sau thuế	**1,118**	**909**	**1,010**	**1,004**	**1,278**
LNST của CĐ cty mẹ	**1,026**	**835**	**977**	**927**	**1,164**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của SIP bằng **-669.7** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (389.6 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **319.7** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-4,382** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **3,392** tỷ đồng.